TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2024
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lưu Duy Mạnh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà.

+ Bà Huỳnh Thị Tỏ.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 389/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 507/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 377/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Hồng S - sinh năm 1995. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Trần Công P - sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị Hồng S trình bày:***

Chị Trần Thị Hồng S và anh Trần Công P tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện; đến năm 2013, các bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.

Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc cho đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không phụ lo kinh tế mà chỉ mải nhậu nhẹt với bạn bè, cờ bạc rồi gây nợ, chị S phải đi làm vừa kiếm tiền nuôi con vừa phải trả nợ cho anh P dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị S đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân với anh P từ năm 2018 đến nay, chị S đã nhiều lần khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm nhưng anh P vẫn không thay đổi. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Hồng S ly hôn với anh PTrần Công P1.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Trần Ngọc Minh T1, sinh ngày 13/8/2012 hiện đang sống cùng chị T1. Ly hôn, chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng.

- *Về tài sản và nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

**** Tại phiên tòa, bị đơn Trần Công P trình bày:***

Anh và chị S tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoản thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, anh P và chi S đã sống ly thân với nhau khoảng 06 đến 07 năm. Nay với yêu cầu ly hôn của chị S, anh P có ý kiến như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Công P đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Hồng S.

- *Về con chung:* Anh P và chị S có 01 con chung tên Trần Ngọc Minh T1, sinh ngày 13/8/2012 hiện đang sống với chị S. Nay anh P thống nhất giao cho Minh T1 cho chị S tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T1 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và đủ năng lực hành vi dân sự.

- *Về tài sản và nợ chung:* Anh P xác định không có.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:***

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về

phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng S như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Hồng S được ly hôn với anh Trần Công P.

+ *Về con chung:* Giao con chung là cháu Trần Ngọc Minh T1, sinh ngày 13/8/2012 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Công P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và đủ năng lực hành vi dân sự.

+ *Về tài sản chung, nợ chung:* Do chị Trần Thị Hồng S và anh Trần Công P xác định không có nên không xem xét.

+ *Về án phí:* Chị Trần Thị Hồng S và anh Trần Công P, mỗi người phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Trần Công P cư trú tại ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng S và anh Trần Công P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 81/2013 ngày 20/07/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa chị S và anh P thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; anh P không chăm lo cho cuộc sống gia đình,

không phụ lo kinh tế mà chỉ mải nhậu nhẹt với bạn bè, cờ bạc rồi gây nợ, chị S phải đi làm vừa kiếm tiền nuôi con vừa phải trả nợ cho anh P khác mặc dù chị S đã khuyên can nhiều lần nhưng anh P không chịu sửa đổi. Tại phiên tòa, anh P thống nhất giữa anh và chị S có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hiện nay, anh P và chị S đã sống ly thân với nhau khoảng 06 đến 07 năm. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị chị S và anh P đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, yêu cầu xin ly hôn của chị S là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Hồng S và anh Trần Công P có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Minh T1, sinh ngày 13/8/2012.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị S yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu T1; hiện nay, cháu T1 đang được chị S nuôi dưỡng.

Xét thấy, cháu T1 đang có cuộc sống ổn định bên chị S nếu thay đổi chỗ ở, môi trường sống của cháu sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển toàn diện của cháu. Đồng thời, cháu T1 có ý kiến muốn được chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng và tại phiên tòa hôm nay, anh P cũng thống nhất giao cháu T1 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Do đó, việc giao cháu T1 cho chị S tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là cần thiết và phù hợp với tình thình thực tại.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Tại phiên tòa, anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T1 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và đủ năng lực hành vi dân sự nên được ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị S và anh P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Hồng S và anh Trần Công P, mỗi người phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm b Khoản 2 Điều 227; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ các Điều 51, 53, 55, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Hồng S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng S được ly hôn với anh Trần Công P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Minh T1, sinh ngày 13/8/2012 cho chị Trần Thị Hồng S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Công P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và đủ năng lực hành vi dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do chị S và anh P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng S phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng mà chị S đã nộp theo biên lai thu số 0029123 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, S đã nộp xong án phí.

Anh Trần Công P phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Công P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Trần Thị Hồng S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Duy Mạnh